

TÒA ÁN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

HUYỆN Đ

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỈNH GIA LAI

Đ, ngày 09 tháng 3 năm 2022

Số: 03/2022/QĐST- DS

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 01 tháng 3 năm 2022 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 01/2022/TLST-DS ngày 14 tháng 01 năm 2022.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Phan Nhật T, sinh năm 2002, địa chỉ: Số nhà 565 Quang Trung, thị trấn C, huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

- Bị đơn: Anh Trần Văn T, sinh năm 2002, địa chỉ: Thôn Chư Bô 2, xã Ia K, huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Anh Trần Văn T công nhận có nợ của anh Phan Nhật T số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng).

Hai bên tự nguyện thỏa thuận, anh T có nghĩa vụ trả số tiền trên cho anh T làm 02 lần, cụ thể như sau:

Lần 1: Ngày 30/6/2022: Anh T trả cho anh T số tiền 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng);

Lần 2: Ngày 30/12/2022: Anh T trả cho anh T số tiền 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng).

Về án phí: Án phí của vụ án là 1.250.000đ (Một triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng).

Anh Phan Nhật T tự nguyện chịu hết toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 1.250.000đ (Một triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng) để sung vào Ngân sách Nhà nước, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh T đã nộp là 1.250.000đ (Một triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006605 ngày 11 tháng 01 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Anh T đã nộp đủ tiền án phí.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án. Lãi suất chậm thi hành án được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nếu không thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi

hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Thanh